TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03A/2019/HNGĐ-ST
Ngày 26 - 3 - 2019
V/v chia tài sản sau khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lệ Hồng;

Bà Lê Thị Phương Dung

- ***Thư ký phiên tòa****:* Ông Hồ Phúc Vĩnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo tham gia phiên tòa****:* Bà Nguyễn Phương Linh – Kiểm sát viên.

Vào ngày 26 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở TAND huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 312/2018/TLST – HNGĐ, ngày 26 tháng 7 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2019 về việc "Chia tài sản sau khi ly hôn" giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ a, ấp b, xã C, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; Có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ a, ấp b, xã C, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H1 trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn H2 sống chung vợ chồng từ năm 2003, do không hạnh phúc nên hai ông bà đã ly hôn theo quyết định số 94/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Khi ly hôn, bà và ông H2 có thỏa thuận về các vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung. Về tài sản chung ông bà có thỏa thuận miệng: ông H2 được quyền sử dụng tài sản chung là thửa đất số abc, tờ bản đồ số xy, tọa lạc tại ấp b, xã C, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương trên đất có nhà cấp 4 và một số tài sản khác, ông H2 có nghĩa vụ giao lại cho bà H1 số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Tuy nhiên, bà H1 đã nhiều lần yêu cầu ông H2 giao tiền nhưng ông H2 không thực hiện. Nên, bà H1 yêu cầu Tòa án

chia tài sản chung sau khi ly hôn theo quy định pháp luật và xin nhận bằng tiền giá trị tài sản

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải bị đơn ông Nguyễn Văn H2 trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị H1 chung sống với nhau từ năm 2003, do không hạnh phúc nên hai ông bà đã ly hôn theo quyết định số 94/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Quá trình chung sống ông bà có tài sản chung là thửa đất số abc, tờ bản đồ số xy, tọa lạc tại ấp b, xã C, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương, trên đất có nhà và một số tài sản khác. Khi ly hôn, ông và bà H1 có thỏa thuận về các vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung. Theo đó, ông được quyền nuôi 02 con chung, bà H1 không phải cấp dưỡng nuôi con, về nợ chung đã thỏa thuận xong. Về tài sản chung, ông bà thỏa thuận với nhau ông được quyền sử dụng tài sản chung là thửa đất số abc, tờ bản đồ số xy, tọa lạc tại ấp b, xã C, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương, trên đất có nhà và một số tài sản khác, cùng với đó, ông phải giao lại cho bà H1 số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Tuy nhiên, hiện tại ông làm công nhân, phải nuôi 02 con ăn học, cuộc sống khó khăn, ông không có khả năng để giao cho bà H1 số tiền trên. Với yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng sau ly hôn của nguyên đơn thì ông không đồng ý, ông phải nuôi 02 con ăn học nên phải để tài sản này để ông và các con ở . Trường hợp bà H1 nhất quyết chia tài sản chung thì ông sẽ đồng ý chia đôi nhà, đất cho bà H1 (2,5m ngang) để bà H1 sống.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng, của những người tiến hành tố tụng: Trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa những người tiến hành tố tụng như Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Toà án, những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Các đương sự đều xác định tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân gồm: Thửa đất số abc, tờ bản đồ số xy tọa lạc tại ấp b, xã C, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương và các tài sản khác trên đất gồm có 01 căn nhà cấp 4, mái che, hàng rào, sân bê tông. Nguyên đơn yêu cầu nhận tiền, bị đơn yêu cầu nhận tài sản. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn tiền chênh lệch giá trị tài sản là 75.740.000đ, bị đơn được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 131m^2 thuộc thửa số abc, tờ bản đồ số xy, tọa lạc tại ấp b, xã C, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương và các tài sản khác trên đất gồm có 01 căn nhà cấp 4, mái che, hàng rào, sân bê tông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; sau khi Kiểm sát viên phát biểu về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của đương sự, về nội dung vụ án; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa:

Bị đơn ông Nguyễn Văn H2 đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Vì vậy, Hội đồng xét xử

quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Đây là tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, hiện bị đơn trú tại: Xã C, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương và nguyên đơn có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H1 yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Văn H2, tài sản gồm:

Phần đất diện tích 131m^2 (trong đó có 25 m^2 thuộc HLAT đường bộ) thuộc thửa đất số abc, tờ bản đồ số xy, tọa lạc tại ấp b, xã C, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương (20m^2 đất thổ cư) đã được UBND huyện Phú Giáo cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 123456, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H54321 ngày 29/6/2006 cho bà Nguyễn Thị H1 và ông Nguyễn Văn H2. Trên đất có các tài sản sau: 01 căn nhà cấp 4 diện tích 73,8m^2; 01 mái che diện tích 35m^2; hàng rào có diện tích 14m^2; sân bê tông có diện tích 35m^2.

Bị đơn thống nhất tài sản trên của vợ chồng chưa chia nhưng hiện tại ông làm công nhân, phải nuôi 02 con ăn học, cuộc sống khó khăn, ông không có khả năng để giao cho bà H1 số 150.000.000đ như thoả thuận. Với yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng sau khi ly hôn của nguyên đơn thì ông không đồng ý, vì ông phải nuôi 02 con ăn học nên phải để tài sản này để ông ở và nuôi con. Trường hợp bà H1 nhất quyết chia tài sản chung thì ông sẽ đồng ý chia đôi nhà, đất cho bà H1 (2,5m ngang) để bà H1 sống.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất tài sản chung chưa chia gồm: Phần đất diện tích 131m^2 (trong đó có 25 m^2 thuộc HLAT đường bộ) thuộc thửa đất số abc, tờ bản đồ số xy tọa lạc tại ấp b, xã C, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Đoàn Văn Đ và bà Ngô Thị N đã được UBND huyện Phú Giáo cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H54321 QSDĐ/PG, ngày 29/6/2006. Trên đất có các tài sản sau: 01 căn nhà cấp 4 diện tích 73,8m^2; kết cấu: tường gạch trát xi măng, nền xi măng có gạch bông; 01 mái che, diện tích 35m^2 kết cấu: cột sắt, xà gồ sắt, mái tôn; Hàng rào có diện tích 14m^2, kết cấu: cột gạch, đế gạch, khung lưới B40; Sân bê tông có diện tích 35m^2. Hiện tại ông H2 cùng hai con chung với bà H1 đang ở và quản lý, sử dụng. Hai bên không thống nhất được phương thức chia tài sản chung.

Tại Mảnh trích lục thửa đất có đo đạc chỉnh lý số 4449/2018 ngày 28/12/2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Phú Giáo, diện tích thửa đất tăng thêm 15,2m^2 so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp của bà H1, ông H2. Toà án đã làm việc với bà H1 về việc yêu cầu khởi kiện bổ sung đối với diện tích đất 15,2m^2, tuy nhiên bà H1 không có đơn yêu cầu nên Toà án không xem xét đối với phần diện tích đất này.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận diện tích đất tranh chấp và toàn bộ tài sản trên đất giữa nguyên đơn và bị đơn là tài sản chung vợ chồng được hình thành trong thời kỳ hôn nhân theo qui định tại Điều 33 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia tài sản sau khi ly hôn.

Căn cứ vào biên bản thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá ngày 18/10/2018 xác định được tổng giá trị tài sản tranh chấp 151.480.000đ (một trăm năm mươi mốt triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng),

Phần giá trị mà bà H1, ông H2 mỗi người được hưởng 151.480.000đ x 50 % = 75.740.000đ đồng (bảy mươi lăm triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng).

Nguyên đơn có nguyện vọng nhận số tiền thay cho hiện vật. Bị đơn có nguyện vọng nhận bằng hiện vật. Do đó, để đảm bảo cho bị đơn cùng hai con nhỏ ổn định cuộc sống, Hội đồng xét xử giao cho bị đơn phần diện tích đất 131m^2 thuộc thửa số abc, tờ bản đồ số xy, tọa lạc tại ấp b, xã C, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương (có sơ đồ kèm theo bản án). Phần đất được UBND huyện Phú Giáo cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 123456, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H54321 ngày 29/6/2006 cùng tài sản gắn liền với đất gồm 01 căn nhà cấp 4, 01 mái che, hàng rào và sân bê tông.

Bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền chênh lệch giá trị tài sản là 75.740.000đ đồng (bảy mươi lăm triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng).

[7] Xét đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát về nội dung vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc, định giá là 3.500.000 đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng) nguyên đơn và bị đơn mỗi người phải nộp ½ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc. Do nguyên đơn đã nộp toàn bộ tạm ứng nên bị đơn phải nộp chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ để trả lại cho nguyên đơn.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản chung được hưởng 3.787.000đ (75.740.000đ x 5% = 3.787.000đ). Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần được hưởng là 3.787.000đ (75.740.000đ x 5% = 3.787.000đ).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 92, 147, 157, 165, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 29, 33, 34, 59, 62 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điều 207, 210 và Điều 213 Bộ luật Dân sự 2015;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H1 đối với bị đơn ông Nguyễn Văn H2 về yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn;

2. Chia tài sản chung:

2.1. Giao cho bị đơn ông Nguyễn Văn H2 phần đất diện tích 131m^2 (trong đó có 25 m^2 HLAT đường bộ) thuộc thửa đất số abc, tờ bản đồ số xy, tọa lạc tại ấp b, xã C, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương (20m^2 đất thổ cư) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 123456 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H54321 do UBND huyện Phú Giáo cấp ngày 29/6/2006 và tài sản gắn liền với đất (gồm 01 căn nhà cấp 4, 01 mái che, hàng rào và sân bê tông), có tứ cận: Phía Đông giáp thửa 81; phía Bắc giáp thửa 432; phía Nam giáp thửa 430; phía Tây giáp đất đường bê tông.

(kí hiệu A trên sơ đồ bản vẽ kèm theo)

Ông Nguyễn Văn H2 có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản theo quy định của pháp luật.

2.2. Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn H2 có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H1 số tiền chênh lệch trị giá tài sản là 75.740.000đ (bảy mươi lăm triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng).

3. Về chi phí tố tụng: Chi phí thẩm định tại chỗ và đo đạc là 3.500.000đ, bà Nguyễn Thị H1 phải nộp 1.750.000đ (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) tạm ứng đã nộp. Ông Nguyễn Văn H2 phải nộp 1.750.000đ đ (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) để trả lại cho bà Nguyễn Thị H1.

4. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị H1 phải nộp 3.787.000đ (ba triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0007555 ngày 19/7/2018. Bà Nguyễn Thị H1 còn phải nộp thêm số tiền 1.287.000đ (một triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

Ông Nguyễn Văn H2 phải nộp số tiền 3.787.000đ (ba triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hiên